

Số: 143/2020/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Châu, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 252/2020/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trương Hoàng X, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà 93 ấp K, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn*: Chị Thái Thị N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà 074 ấp V, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trương Hoàng X và chị Thái Thị N cùng thống nhất là quan hệ sống chung của anh, chị không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Thái Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Thái Thị Mỹ T (nữ) sinh ngày 02/10/2009 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu T.

Trong thời gian chị Thái Thị N nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Hoàng X và chị Thái Thị N cùng thống nhất là anh X cấp dưỡng nuôi con chung là Thái Thị Mỹ T (nữ) sinh ngày 02/10/2009 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Cấp dưỡng lần đầu là vào ngày 16/9/2020, những lần tiếp theo cấp dưỡng vào ngày 16 hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh X và chị N cùng khẳng định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), do anh Trương Hoàng X và chị Thái Thị N cùng chịu. Theo đó, chị Thái Thị N chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng); anh Trương Hoàng X chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Án phí cấp dưỡng: là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do anh Trương Hoàng X chịu.

Tổng số tiền án phí anh Trương Hoàng X phải nộp là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006309 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu; anh Trương Hoàng X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS thị xã Vĩnh Châu;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VÕ THỊ HIẾU